

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 28/2018/HNGĐ-ST
Ngày 20/ 6 /2018
*V/v Tranh chấp Hôn nhân và
gia đình"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N - NINH BÌNH
Thành phần HĐXX sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Minh Lực.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lưu Danh Sử.
- Ông Phan Văn Hương.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bình- Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Ngân, Kiểm sát viên.

Ngày 20/ 6 /2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 25/2018/TLST-HNGĐ ngày 27/2/2018 về "*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2018/QĐXX-ST ngày 25/5/2018.

Nguyên đơn: Chị Dương Thị Thu H, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã S, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Nơi ở hiện tại: Tổ 19, phường N, thành phố T, tỉnh Ninh Bình.

Nghề nghiệp: Công nhân

Bị đơn: Anh Phạm Văn T, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã S, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Nghề nghiệp: Làm ruộng.

Chị H có mặt tại phiên Tòa, Anh T đề nghị xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 27 / 2 /2018 cũng như bản tự khai ngày 19/ 3 /2018 và tại phiên Tòa, chị Dương Thị Thu H trình bày:

Về hôn nhân: Chị Dương Thị Thu H và anh Phạm Văn T đăng ký kết hôn vào ngày 14/11/2011 tại UBND xã S. Sau khi cưới vợ chồng chị về sống chung với bố mẹ đẻ anh T tại thôn Đ, xã S, huyện N, tỉnh Ninh Bình. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do tính tình vợ chồng không hợp, anh T thường xuyên uống rượu say rồi đánh chửi chị H, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, đến đầu năm 2017 chị H bỏ về nhà mẹ đẻ ở thành phố T ở từ đó đến nay không quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị H thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng chị H, anh T có 02 con chung là cháu Phạm Quỳnh A, sinh ngày 12/9/2012 và cháu Phạm Gia H, sinh ngày 23/9/2014, hiện nay các cháu đang ở với anh T. Chị H xin nuôi con chung là cháu Phạm Quỳnh A. Nếu anh T nhất trí thì chị H xin nuôi cả hai cháu và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, về công nợ chung: Chị H xác định không có nên không yêu cầu giải quyết.

Đối với anh T: sau nhiều lần Tòa án triệu tập và gửi các văn bản tố tụng cho anh để anh giải quyết việc ly hôn với chị H. Đến ngày 18/6/2018 tại bản tự khai anh T trình bày: Về thời gian kết hôn nơi đăng ký kết hôn đúng như chị H đã xác định sau khi cưới xong vợ chồng anh sống chung tại nhà mẹ đẻ anh ở thôn Đ, xã S. Anh và chị H sống hạnh phúc với nhau đến tháng 3/2017 thì xảy ra mâu thuẫn chị H đã bỏ đi từ đó hai người sống ly thân. Nay chị H xin ly hôn anh không nhất trí ly hôn vì anh muốn đoàn tụ để nuôi dạy con cái.

Về con chung: Anh T xác định đúng như chị H trình bày nếu ly hôn, anh xin

nuôi cả 2 con chung không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, về công nợ chung: Anh T xác định không có.

Tại phiên tòa:

Đại diện VKS phát biểu quan điểm về việc tuân theo Pháp luật của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, chị H đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71, 234 BLTTDS. Anh T chấp hành không đầy đủ các quy định tại các Điều 70, 72 không tham gia phiên họp kiểm tra tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải,

Về đường lối đề nghị như sau, căn cứ: Các Điều 5, 147, 227, 228, 266, 271, và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Áp dụng: Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Dương Thị Thu H. Xử lý hôn giữa chị Dương Thị Thu H và anh Phạm Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Phạm Quỳnh A, sinh ngày 12/9/2012 cho chị H nuôi dưỡng và chăm sóc, giao con chung là cháu Phạm Gia H, sinh ngày 23/9/2014 cho anh T nuôi dưỡng và chăm sóc cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. chị H và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị H phải nộp 300.000 đồng theo quy định của Pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình về việc yêu cầu xin ly hôn và nuôi con chung của chị Dương Thị Thu H với anh Phạm Văn T. Tranh chấp trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.

1. Về thủ tục tố tụng: Đối với anh Phạm Văn T, từ khi thụ lý đơn khởi kiện của chị H, Tòa án nhân dân huyện N đã gửi thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng và niêm yết các văn bản này theo quy định của Pháp luật. Nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do mặc dù anh đã nhận các văn bản tố tụng của Tòa án. Đến ngày 25 /5/2018 Tòa án nhân dân huyện N đã quyết định đưa vụ án ra xét xử.

2. Về hôn nhân: Chị Dương Thị Thu H và anh Phạm Văn T kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã S vào ngày 14/11/2011. Sau khi kết hôn vợ chồng chị H và anh T về chung sống với nhau tại nhà của bố mẹ anh T, thời gian sống hạnh phúc với nhau được gần 6 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng như chị H trình bày dù có đúng hay không ? còn anh T không trình bày cụ thể. Nhưng trong thực tế cuộc sống, chị H và anh T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, hai người đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2017 không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Đối với anh T, từ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã xác định; anh đã biết chị H làm đơn xin ly hôn anh và việc Tòa án nhân dân huyện N đã thụ lý giải quyết và tiến hành hòa giải vào các ngày 6/4/2018 và ngày 22/5/2018 anh vẫn vắng mặt không có lý do, điều đó thể hiện việc anh không còn tình cảm với chị H nữa và cũng chứng minh việc anh không muốn đoàn tụ, ngoài ra còn thể hiện ý thức pháp luật còn hạn chế của anh.

Từ thực tế cuộc sống hiện nay của vợ chồng chị H và anh T và các quy định của pháp luật, xét khả năng đoàn tụ của hai người thực sự không còn, đã có đủ cơ sở pháp lý để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H. Xử lý hôn giữa chị H và anh T là phù hợp với thực tế và quy định của Pháp luật để hai người sớm ổn định cuộc sống (áp dụng điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014).

3. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Xét thực tế chị H hiện nay là công nhân thu nhập lương mỗi tháng bình quân hơn 5 triệu đồng nên cần giao con chung là cháu Phạm Quỳnh A, sinh ngày 12/9/2012 cho chị H nuôi dưỡng và chăm sóc là phù hợp. Còn đối với yêu cầu nuôi 2 con chung của anh T thì điều

kiện gia đình anh làm ruộng nếu giao cả hai con chung cho anh nuôi dưỡng thì sẽ gặp nhiều khó khăn về điều kiện chăm sóc và việc học hành sau này. Vì vậy yêu cầu của anh T không được chấp nhận, mà chỉ giao 1 con chung là cháu Phạm Gia H, sinh ngày 23/9/2014 cho anh T nuôi dưỡng và chăm sóc cho đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Xét việc giao cho chị H và anh T mỗi người nuôi một con và điều kiện về kinh tế của hai người thì việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra việc giải quyết. Chị H và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. (Áp dụng các Điều 56,58, 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014). Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

4. Về tài sản chung, về công nợ chung: Từ lời khai của chị H và anh T và kết quả xác minh ngày 07 tháng 05 năm 2018, Ủy ban nhân dân xã S, huyện N, xác định chị H và anh T không có tài sản chung và công nợ tập thể nên không đặt ra việc giải quyết.

5. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị H phải nộp theo quy định của Pháp luật. số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp được chuyển sang án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Các Điều 56, 58,81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 5; khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Dương Thị Thu H.

1. Tuyên bố: Xử lý hôn giữa chị Dương Thị Thu H và anh Phạm Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Phạm Quỳnh A, sinh ngày 12/9/2012 cho chị H nuôi dưỡng và chăm sóc, giao con chung cháu Phạm Gia H, sinh ngày 23/9/2014 cho anh T nuôi dưỡng và chăm sóc cho đến khi đủ 18 tuổi. Chị H và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Chị H cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Anh T cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở chị H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. chị H và anh T lạm dụng việc việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị H và Anh T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của nhau.

3. Về tài sản chung, về công nợ chung: Không giải quyết về tài sản chung, về công nợ chung.

4. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị H phải nộp 300.000đ, chị H đã nộp 300.000đ tạm ứng án phí tại biên lai thu số: 0000703 ngày 27/2/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N nay chuyển sang án phí.

Án xử công khai sơ thẩm chị H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình
- VKSND huyện N;
- THADS huyện N;
- Dương sự
- Lưu/.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Hà Minh Lực